CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 024/EB/2020

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ EB

Địa chỉ: Số 163, Đường Phan Đăng Lưu, Phường 01, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại: 028.39958368 Fax: 028.39958423

Mã số doanh nghiệp: 0105696842

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: **Phô mai Mozzarella cắt lát BRIDEL**
2. Thành phần: Sữa bò gầy hoàn nguyên, phô mai (33%) [phô mai (sữa, muối, men, chất bảo quản (1105)), mozzarella 2%], bơ, whey, đạm sữa, muối nhũ hóa (452, 450), chất làm dày (407), muối, chất bảo quản (202).
3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 1 năm kể từ ngày sản xuất.
4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:
   - Quy cách đóng gói: Khối lượng tịnh: 200 g.
   - Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đựng trong gói nhựa PP, bên ngoài là túi nhựa PP, ngoài cùng là thùng carton.
5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (sản phẩm nhập khẩu): Société Fromagère de Lons le Saunier, 39 avenue Camille Prost 39008 Lons-le-Saunier, Pháp.

III. Mẫu nhãn sản phẩm

Đính kèm (Theo 43/2017/NĐ-CP Nghị định về Nhãn hàng hóa).

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Theo QCVN 5-3:2010/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm phomat.

1. <u>Chỉ tiêu lý hóa</u>

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức quy định
1	Hàm lượng chất béo sữa	%	25 - 45

2. Chỉ tiêu các chất nhiễm bẩn

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa
I.	**Kim loại nặng**		
1	Chì	mg/kg	0,02
II.	**Độc tố vi nấm**		
1	Aflatoxin M1	µg/kg	0,5
III.	**Dư lượng thuốc thú y**		
1	Benzylpenicilin	µg/kg	4
2	Procain benzylpenicilin	µg/kg	4
3	Clortetracyclin	µg/kg	100
4	Oxytetracyclin	µg/kg	100
5	Tetracyclin	µg/kg	100
6	Dihydrostreptomycin	µg/kg	200
7	Streptomycin	µg/kg	200
8	Gentamicin	µg/kg	200
9	Spiramycin	µg/kg	200
IV.	**Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật**		
1	Endosulfan	mg/kg	0,01
2	Aldrin và dieldrin	mg/kg	0,006
3	Cyfluthrin	mg/kg	0,04
4	DDT	mg/kg	0,02

3. Chỉ tiêu vi sinh vật

Stt	Tên chỉ tiêu	Giới hạn			
		n[1)]	c[2)]	m[3)]	M[4)]
1	*E.Coli*	5	2	100 CFU/g	1000 CFU/g
2	*Staphylococci* dương tính với coagulase	5	2	100 CFU/g	1000 CFU/g
3	*L.monocytogense*	5	0	100 CFU/g	
4	*Salomonella*	5	0	Không phát hiện trong 25 g	

1) n: số đơn vị mẫu được lấy từ lô hàng cần kiểm tra.

2) c: số đơn vị mẫu tối đa có thể chấp nhận hoặc số đơn vị mẫu tối đa cho phép vượt quá chỉ tiêu vi sinh vật m. Nếu vượt quá số đơn vị mẫu này thì lô hàng được coi là không đạt.

3) m: số lượng hoặc mức tối đa vi khuẩn có trong 1 gam sản phẩm; các giá trị vượt quá mức này thì có thể được chấp nhận hoặc không được chấp nhận.

4) M: là mức vi sinh vật tối đa được dùng để phân định giữa chất lượng sản phẩm có thể đạt và không đạt.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 09 năm 2020

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)

CÔNG TNHH DỊCH VỤ EB

NGUYỄN THỊ THẢO

Director - International Import

Giám Đốc Nhập Khẩu Quốc Tế

THÔNG TIN NHÃN PHỤ

PHÔ MAI MOZZARELLA CẮT LÁT BRIDEL

Thành phần: Sữa bò gầy hoàn nguyên, phô mai (33%) [phô mai (sữa, muối, men, chất bảo quản (1105)), mozzarella 2%], bơ, whey, đạm sữa, muối nhũ hóa (452, 450), chất làm dày (407), muối, chất bảo quản (202).

Khối lượng tịnh: 200 g.

Dùng trực tiếp, chế biến món ăn hoặc dùng kèm với bánh mì. Bảo quản lạnh ở nhiệt độ 4°C đến 15°C.

Ngày sản xuất:

Hạn sử dụng:

Sản xuất bởi: SOCIÉTÉ FROMAGÈRE DE LONS LE SAUNIER, 39 avenue Camille Prost 39008 Lons-le-Saunier, Pháp.

Nhập khẩu và phân phối bởi: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ EB, số 163 đường Phan Đăng Lưu, P.1, Q. Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh.

Cảnh báo: Sản phẩm có chứa sữa, trứng.

Số tự công bố: 024/EB/2020

NHÃN GỐC SẢN PHẨM

NGUYEN THI THAO
Director - International Import
Giám Đốc Nhập Khẩu Quốc T

Giá trị Dinh dưỡng trung bình trên 100g Năng lượng: 1006kJ/242kcal Chất béo 18g Trong đó, chất béo hòa tan 13g Carbonhydrate 6g Trong đó đường 6g Protein 14g Muối 2g	Sản xuất bởi: Societe Fromagere de Lons le Saunier – Pháp Cho: Lactalis International – 16, avenue Jean Jaures - 94607 Choisy-le-roi Pháp. Nhập khẩu bởi:

BRIDEL
TỪ NĂM 1846

BRIDEL
TỪ NĂM 1846

MOZZARELLA

Phô mai Mozzarella cắt lát

Khối lượng tịnh: 200 g

12 miếng

Món ăn đề xuất

BRIDEL
TỪ NĂM 1846

MOZZARELLA

Phô mai Mozzarella cắt lát
90056734

Phô mai Mozzarella cắt lát
40% F.D.M. 18% chất béo trong tổng sản phẩm
Thành phần: **Sữa** bò gầy hoàn nguyên, phô mai (phô mai (**sữa**, muối, men, chất bảo quản: lysozyme **trứng**), mozzarella 2%), bơ (**sữa**), whey (sữa), đạm **sữa**, muối nhũ hóa (E452, E450), chất làm dày (E407), muối, chất bảo quản (E202). Bảo quản ở nhiệt độ +4^{0}C đến +15^{0}C.
Ngày sản xuất và hạn sử dụng/ Số lô: xem ở trên
Khối lượng tịnh một gói: 200g
www.lactalis-international.com
FR 39.300.002 CE

3 328021 040141

I, **Tran Le Quynh**, ID. No. 221094187, undertake that I have translated accurately the English document attached hereto into Vietnamese.

Tôi, **Trần Lê Quỳnh**, Giấy CMND số: 221094187
Cam đoan đã dịch chính xác văn bản này từ tiếng Anh sang tiếng Việt.

Ngày / Date: 01-09-2020

Người dịch / Translator

Trần Lê Quỳnh

Two thousand and twenty
At People's Committee of Phu Nhuan District, Ho Chi Minh City
I, _____
Chief of Justice Section of Phu Nhuan District
Hereby certifies that Ms. Tran Le Quynh has signed this document
Ngày 01 tháng 9 năm 2020
(Ngày một tháng chín, năm hai nghìn không trăm hai mươi).
Tại Ủy ban nhân dân Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh
Tôi,
Là Trưởng phòng Tư pháp Quận Phú Nhuận

Chứng thực
Bà Trần Lê Quỳnh là người đã ký vào bản dịch này.

Số chứng thực:..... 50890
Quyển số: 01-SCT/CKND
Ngày: 01-09-2020

Trưởng phòng Tư Pháp Quận Phú Nhuận

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
PHÒNG TƯ PHÁP
Q. PHÚ NHUẬN - T.P HỒ CHÍ MINH

Trần Ngọc Thảo

CÔNG TY TNHH PHÂN TÍCH KIỂM NGHIỆM VIỆT TÍN
VIET TIN TESTING CO., LTD
PTN & VP Nhận mẫu 1: 39A, Đường số 4, phường Bình Trị Đông B, quận Bình Tân, TP. HCM
Laboratory & Office 1 : 39A, 4th street, Binh Tri Dong B ward, Binh Tan district, Ho Chi Minh city
VP Nhận mẫu 2 : 224 Điện Biên Phủ, phường 7, quận 3, Tp. Hồ Chí Minh
Office 2 : 224 Dien Bien Phu, ward 7, district 3, Ho Chi Minh city
Tel : (028) 39158936, (028) 3827 7986 Fax : (028) 3824 7013
Email : ktclviettin@gmail.com Web : kiemnghiemviettin.com

Việt Tín
KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG

Số/ *No*: 16752 1912/KQ
Mã số/ *Code*: 2666 1911VT2
Mã số mẫu/ *Sample code*: 9972 1911VT2
Trang/ *Page: 1/ 2*

VILAS 1074 VIMCERTS 211

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TESTING REPORT

Tên khách hàng/ *Client* : **CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ EB**

Địa chỉ/ *Address* : Số 163, đường Phan Đăng Lưu, phường 01, quận Phú Nhuận, TP. HCM.

Ngày nhận mẫu/ *Date of receiving* : 29/11/2019 **Ngày trả kết quả/ *Date of issue*** : 07/12/2019

Loại mẫu/ *Kind of sample* : Phô mai **Số lượng mẫu/ *Quantity of sample*** : 01 mẫu

Tên mẫu/ *Name of sample* : **Phô mai Mozzarella cắt lát BRIDEL**

Tình trạng mẫu/ *State of sample* : Mẫu dạng thành phẩm, bao bì kín

STT/ *No.*	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM/ *PARAMETERS*	PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH/ *TESTING METHOD*	KẾT QUẢ/ *RESULT*	ĐƠN VỊ TÍNH/ *UNIT*
1	*E. coli* (*) (I)	TCVN 7924 – 2 : 2008 (ISO 16649 – 2 : 2001)	Không phát hiện (LOD=10)	CFU/g
2	*Salmonella* spp. (*) (I)	TCVN 10780 – 1 : 2017 (ISO 6579 – 1 : 2017)	Không phát hiện	trong 25g
3	*L. monocytogenes* (*) (I)	ISO 11290 – 2 : 2017	Không phát hiện (LOD=10)	CFU/g
4	*Staphylococci (+) coagulase* (*) (I)	TCVN 4830-1 : 2005 (ISO 6888-1 : 1999/ AMD 2 : 2018)	Không phát hiện (LOD=10)	CFU/g
5	Chất béo sữa	TCVN 8181 : 2009	42,6	%
6	Chì (Pb)	Ref. TCVN 7933 : 2009	Không phát hiện (LOD=0,01)	mg/kg
7	Aflatoxin M1 (s/c)	HD.TN.217 (Ref.Anal. Bioanal Chem. (2010) 397:765-776)	Không phát hiện (LOD=0,15)	µg/kg
8	Clortetracyclin	TCVN 8106 : 2009 ISO/TS 26844 : 2006	Không phát hiện (LOD=100)	µg/kg
9	Oxytetracyclin	TCVN 8106 : 2009 ISO/TS 26844 : 2006	Không phát hiện (LOD=100)	µg/kg
10	Tetracyclin	TCVN 8106 : 2009 ISO/TS 26844 : 2006	Không phát hiện (LOD=100)	µg/kg
11	Benzylpenicilin	TCVN 8106 : 2009 ISO/TS 26844 : 2006	Không phát hiện (LOD=3)	µg/kg
12	Procain benzylpenicilin	TCVN 8106 : 2009 ISO/TS 26844 : 2006	Không phát hiện (LOD=3)	µg/kg

CÔNG TY TNHH PHÂN TÍCH KIỂM NGHIỆM VIỆT TÍN
VIET TIN TESTING CO., LTD
PTN & VP Nhận mẫu 1: 39A, Đường số 4, phường Bình Trị Đông B, quận Bình Tân, TP. HCM
Laboratory & Office 1 : 39A, 4th street, Binh Tri Dong B ward, Binh Tan district, Ho Chi Minh city
VP Nhận mẫu 2 : 224 Điện Biên Phủ, phường 7, quận 3, Tp. Hồ Chí Minh
Office 2 : 224 Dien Bien Phu, ward 7, district 3, Ho Chi Minh city
Tel : (028) 39158936, (028) 3827 7986 Fax : (028) 3824 7013
Email : ktclviettin@gmail.com Web : kiemnghiemviettin.com

Số/ *No*: 16752 1912/KQ
Mã số/ *Code*: 2666 1911VT2
Mã số mẫu/ *Sample code*: 9972 1911VT2
Trang/ *Page: 2/ 2*

VILAS 1074 VIMCERTS 211

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TESTING REPORT

STT/ *No.*	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM/ *PARAMETERS*	PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH/ *TESTING METHOD*	KẾT QUẢ/ *RESULT*	ĐƠN VỊ TÍNH/ *UNIT*
13	Dihydrostreptomycin	TCVN 8106 : 2009 ISO/TS 26844 : 2006	Không phát hiện (LOD=70)	µg/kg
14	Streptomycin	TCVN 8106 : 2009 ISO/TS 26844 : 2006	Không phát hiện (LOD=70)	µg/kg
15	Gentamicin	TCVN 8106 : 2009 ISO/TS 26844 : 2006	Không phát hiện (LOD=20)	µg/kg
16	Spiramycin	TCVN 8106 : 2009 ISO/TS 26844 : 2006	Không phát hiện (LOD=200)	µg/kg
17	Endosulfan	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện (LOD=5)	µg/kg
18	Aldrin và Dieldrin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện (LOD=5)	µg/kg
19	Cyfluthrin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện (LOD=5)	µg/kg
20	DDT	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện (LOD=5)	µg/kg

Ghi chú/ *Notes*:

Kết quả có các chỉ tiêu phù hợp theo QCVN 5-3:2010/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm phomat.

Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ *The results are valid only for testing sample.*
Tên mẫu theo khách hàng yêu cầu/ *Name of samples as the client's requirement.*
Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả/ *Time- limit of storage: 5 days from reporting date.*
LOD: Giới hạn phát hiện / *LOD: Limit of Detection.*
(*): Chỉ tiêu được VILAS công nhận ISO/IEC 17025:2017/ *Items was accredited by VILAS (ISO/IEC 17025:2017).*
(s/c): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ/ *(s/c): Items are tested by subcontractor.*
(I): Chỉ tiêu được chỉ định của Bộ Y Tế / *Items were designated by Ministry of Health.*

PHỤ TRÁCH CHẤT LƯỢNG
QUALITY MANAGER

ThS. Huỳnh Ngọc Trưởng

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

CÔNG TY TNHH PHÂN TÍCH KIỂM NGHIỆM VIỆT TÍN

ThS. Nguyễn Văn Tâm